



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

**(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: 2867 /QĐ - VPCNCLQG
ngày 02 tháng 10 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)**

Tên phòng xét nghiệm:	Phòng xét nghiệm Sinh hoá - Huyết học – Vi sinh thuộc phòng khám chuyên khoa Viện sốt rét - Ký sinh trùng – Côn trùng Quy Nhơn
<i>Medical Laboratory:</i>	Biochemistry – Hematology - Microbiology Laboratory – IMPE Quy Nhơn
Cơ quan chủ quản:	Viện sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Quy Nhơn
<i>Organization:</i>	Institute of Malariaology – Parasitology and Entomology Quy Nhơn
Lĩnh vực xét nghiệm:	Hoá sinh, Huyết học, Vi sinh
<i>Field of medical testing:</i>	Biochemistry, Hematology, Microbiology
Người phụ trách/ <i>Representative:</i>	Đào Trịnh Khánh Ly Dao Trinh Khanh Ly
Chuẩn mực công nhận/ <i>Accreditation criteria:</i>	ISO 15189:2022
Số hiệu/ <i>Code:</i>	VILAS Med 035
Hiệu lực/ <i>Validation:</i>	Từ ngày 02/ 10 /2026 đến ngày 01 / 10 /2031
Địa chỉ/ <i>Address :</i>	27 Lý Thái Tổ, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai No.27 Ly Thai To Street, Quy Nhon Nam Ward, Gia Lai Province
Địa điểm/ <i>Location :</i>	27 Lý Thái Tổ, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai No.27 Ly Thai To Street, Quy Nhon Nam Ward, Gia Lai Province
Điện thoại/ <i>Tel:</i>	0935208637
Email:	khanhly75@yahoo.com
Website:	

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 035

Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học

Discipline of medical testing: Hematology

TT	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) Type of sample (anticoagulant-if any)	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm The name of medical tests	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm Principle/ Technical test	Phương pháp xét nghiệm Test method
1.	Máu toàn phần (EDTA K2) Whole Blood (EDTA K2)	Đếm số lượng Bạch cầu (WBC) <i>White Blood Cell count</i>	Điện trở kháng, Độ tán xạ ánh sáng tia laser <i>Electrical resistance detection method, light scatter technique</i>	QTKT.HH.01B (2026) (DxH600) QTKT.HH.01C (2026) (Advia 2120i)
2.		Đếm số lượng Hồng cầu (RBC) <i>Red Blood Cell count</i>	Điện trở kháng <i>Resistance detection method</i>	QTKT.HH.02B (2026) (DxH600) QTKT.HH.02C (2026) (Advia 2120i)
3.		Đo lượng huyết sắc tố Hemoglobin (HGB) <i>Measurement of Heamoglobin</i>	Quang học <i>Light scatter</i>	QTKT.HH.03B (2026) (DxH600) QTKT.HH.03C (2026) (Advia 2120i)
4.		Xác định lượng Hematocrit (HCT) <i>Determination of Hematocrit</i>	Tính toán <i>Calculation</i>	QTKT.HH.04B (2026) (DxH600) QTKT.HH.04C (2026) (Advia 2120i)
5.		Đếm số lượng Tiểu cầu (PLT) <i>Platelets count</i>	Điện trở kháng <i>Resistance detection method</i>	QTKT.HH.05B (2026) (DxH600) QTKT.HH.05C (2026) (Advia 2120i)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 035

Lĩnh vực xét nghiệm: Hoá sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

TT	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) Type of sample (anticoagulant-if any)	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm The name of medical tests	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm Principle/ Technical test	Phương pháp xét nghiệm Test method
1.	Huyết thanh <i>Serum</i>	Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Đo quang <i>Colorimetric</i>	QTKT.SH.01 (2026) (AU680)
2.		Định lượng Ure <i>Determination of Ure</i>	Động học enzym <i>Enzym Kinetic</i>	QTKT.SH.02 (2026) (AU680)
3.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinin</i>	Động học enzym <i>Enzym Kinetic</i>	QTKT.SH.03 (2026) (AU680)
4.		Định lượng Acid Uric <i>Determination of Acid Uric</i>	Đo điểm cuối <i>Measure of end point</i>	QTKT.SH.04 (2026) (AU680)
5.		Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>	Đo điểm cuối <i>Measure of end point</i>	QTKT.SH.05 (2026) (AU680)
6.		Định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	Đo quang <i>Colorimetric</i>	QTKT.SH.06 (2026) (AU680)
7.		Định lượng GGT <i>Determination of GGT</i>	Động học enzym <i>Enzym Kinetic</i>	QTKT.SH.07 (2026) (AU680)
8.		Định lượng AST <i>Determination of AST</i>	Động học enzym <i>Enzym Kinetic</i>	QTKT.SH.08 (2026) (AU680)
9.		Định lượng ALT <i>Determination of ALT</i>	Động học enzym <i>Enzym Kinetic</i>	QTKT.SH.09 (2026) (AU680)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 035

Lĩnh vực xét nghiệm: Vi sinh

Discipline of medical testing: Microbiology

TT	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) Type of sample (anticoagulant-if any)	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm The name of medical tests	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm Test method
1.	Huyết thanh Serum	Phát hiện kháng thể IgG kháng ấu trùng giun lươn <i>Strongyloides Stercoralis IgG Diagnostic</i>	ELISA <i>ELISA</i>	QTKT.MD.01 (2026) Máy rửa Bio-Rad PW40 <i>PW 40 Microplate Washer</i> Máy đọc Bio-Rad PR4100 <i>PR4100 Microplate Reader</i>
2.		Phát hiện kháng thể IgG kháng ấu trùng giun đũa chó <i>Toxocara Canis IgG Diagnostic</i>	ELISA <i>ELISA</i>	QTKT.MD.02 (2026) Máy rửa Bio-Rad PW40 <i>PW 40 Microplate Washer</i> Máy đọc Bio-Rad PR4100 <i>PR4100 Microplate Reader</i>
3.		Phát hiện kháng thể IgG kháng sán lá gan lớn <i>Fasciolae Spp IgG Diagnostic</i>	ELISA <i>ELISA</i>	QTKT.MD.03 (2026) Máy rửa Bio-Rad PW40 <i>PW 40 Microplate Washer</i> Máy đọc Bio-Rad PR4100 <i>PR4100 Microplate Reader</i>
4.		Phát hiện kháng thể IgG kháng ấu trùng giun đầu gai <i>Gnathostoma Spinigerum</i>	ELISA <i>ELISA</i>	QTKT.MD.04 (2026) Máy rửa Bio-Rad PW40 <i>PW 40 Microplate Washer</i> Máy đọc Bio-Rad PR4100 <i>PR4100 Microplate Reader</i>
5.		Phát hiện kháng thể IgG kháng sán dây <i>Cysticercus cellulosae</i>	ELISA <i>ELISA</i>	QTKT.MD.05 (2026) Máy rửa Bio-Rad PW40 <i>PW 40 Microplate Washer</i> Máy đọc Bio-Rad PR4100 <i>PR4100 Microplate Reader</i>

Ghi chú/ Note:

- QTKT...: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp phòng xét nghiệm cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the medical laboratory center that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

